TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 150/2026/QĐST-HNGĐ	Hưng Yên, ngày 08 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 287/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2026 giữa.

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Mai H, sinh năm 1983.

Cư trú tại: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1985.

Cư trú tại: thôn L, xã H, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu: Nguyễn Phương T1, sinh ngày 18/7/2022.

Cư trú tại: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: thôn L, xã H, tỉnh Hưng Yên.

4. Những người đại diện theo pháp luật cho cháu T1: Chị Đỗ Thị Mai H và anh Nguyễn Công T.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị Mai H và anh Nguyễn Công T.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Mai H và anh Nguyễn Công T đều nhất trí thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị H và anh T xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 18/7/2022. Hiện nay cháu T1 đang ở cùng với anh T. Chị H và anh T thoả thuận, anh T được tiếp tục, trực tiếp nuôi

dưỡng và chăm sóc cháu T1 đến tuổi thành niên. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T là 2.500.000đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 6/2026 cho đến khi cháu T1 đến tuổi thành niên. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Chị H và anh T tự thoả thuận giải quyết với nhau, anh chị tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Anh T nhất trí để chị H tự nguyện chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng án phí dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: 0002360 ngày 07/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT, TTr và THA - TAND tỉnh;
- VKSND Khu vực 1 - Hưng Yên;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND phường Thanh Liệt - TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Lũng